TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 360/2022/DS-PT
Ngày: 29/11/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" do có kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10484/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa:

**** Nguyên đơn:***

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số nhà 27, Tổ 1 khu M, phường C, thành phố C1, tỉnh Q; Có mặt.

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 27, Tổ 1 khu M, phường C, thành phố C1, tỉnh Q; Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ 65 khu D, phường C2, thành phố C1, tỉnh Q; Vắng mặt.

4. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 42 khu H1, phường C2, thành phố C1, tỉnh Q; Vắng mặt.

5. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 43 khu H1, phường C2, thành phố C1, tỉnh Q; Vắng mặt.

6. Bà Trần Thị P, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà 27, Tổ 1 khu M, phường C, thành phố C1, tỉnh Q; Vắng mặt.

7. Ông Lê Mạnh C3, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 27, Tổ 1 khu M, phường C, thành phố C1, tỉnh Q; Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

8. Bà Lê Thị N2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 3 khu T4, phường C4, thành phố C1, tỉnh Q; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N, bà Lê Thị N1, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn T2: Bà Lê Thị T, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số nhà 27, Tổ 1 khu M, phường C, thành phố C1, tỉnh Q; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị P, bà Lê Thị N2: Ông Lê Mạnh C3 sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 27, Tổ 1 khu M, phường C, thành phố C1, tỉnh Q; Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

9. Bà Lê Thị K, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 27, Tổ 1 khu M, phường C, thành phố C1, tỉnh Q; Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Khắc T5, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 1 ngách 3 ngõ 33 tổ dân phố số 5 phường Y, quận H2, thành phố H; Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 1, ngách 3 ngõ 33 tổ dân phố số 5 phường Y, quận H2, thành phố H; Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Khắc D (đã chết);

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 1, ngách 3 ngõ 33 tổ dân phố số 5 phường Y, quận H2, thành phố H; Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị X1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 7 phường Y, quận H2, thành phố H.

- Anh Nguyễn Khắc T6 sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 6 phường Y, quận H2, thành phố H.

- Anh Nguyễn Khắc T7, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 8 tổ 6 phường Y, quận H2, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X1, anh T6: Anh Nguyễn Khắc T7, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 8 tổ 6 phường Y, quận H2, thành phố H; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Nguyễn Thị X2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Nhà số 6, tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H; Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1970; Địa chỉ: Nhà số 9 D2, Tổ 4 phường Y, quận H2, thành phố H; Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị X2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Nhà số 6, Tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H; Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1965; Địa chỉ: Nhà số 1324 M1, Tổ 3 phường Đ, quận H2, thành phố H; Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968; Địa chỉ: Nhà số 12 M1, Tổ 1 phường Đ, quận H2, thành phố H; Có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1977; Anh Nguyễn Khắc L1, sinh năm 1995; Chị Nguyễn Lan A, sinh năm 1997 và anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 2010; Cùng địa chỉ: Số nhà 1 ngách 3 ngõ 33 tổ dân phố số 5 phường Y, quận H2, thành phố H; bà H4 có mặt, anh L1, chị Lan A và anh L đều vắng mặt.

8. Ủy ban nhân dân quận H2, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Ngọc H5 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận H2; Vắng mặt.

9. Bà Lê Thị V, sinh năm 1944; Địa chỉ: Đội 2 L2, phường V1, quận H2, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2018 và các lời khai tại tòa án, các đồng nguyên đơn do bà Lê Thị T đại diện trình bày:

1. Về quan hệ huyết thống: Cụ Lê Văn T9 và cụ Nguyễn Thị P1 có 3 người con là ông Lê Văn P2, ông Lê Văn D3 (tức D4) và bà Lê Thị T10. Cụ T9 chết năm 1968 và cụ P1 chết năm 1945 đều không để lại di chúc.

Ông P2 chết năm 1975, vợ là Nguyễn Thị N5 chết năm 1984. Ông P2 và bà N5 không có con chung, ông bà có một con nuôi là bà Lê Thị V.

Ông D3 chết năm 2008, vợ là bà Lê Thị C5 chết năm 2002. Hai ông bà có 07 con chung là ông Lê Văn S, bà Lê Thị T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị K, ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn T2. Ông S chết năm 2007, có vợ là bà Trần Thị P và 02 con là ông Lê Mạnh C3 và bà Lê Thị N2.

Bà T10 chết năm 2012, chồng là ông Nguyễn Khắc Đ1 chết năm 1996, hai người sinh được 07 người con là: ông Nguyễn Khắc D, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Khắc T5 và bà Nguyễn Thị X2.

2. Di sản thừa kế của cụ Lê Văn T9, Nguyễn Thị P1 để lại là 02 khối bất động sản, bao gồm:

- Thửa đất số 261 (đất ở), tờ bản đồ số 7, diện tích 278,3m^2 tại địa chỉ: Số nhà 1 ngách 3 ngõ 33, tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H hiện nay do gia đình ông Nguyễn Khắc T5 đang quản lý, sử dụng. Trên đất có tài sản của cụ T9,

cụ P1 để lại gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 mái rạ, 02 gian bếp và 01 bể nước, và một nhà để chăn nuôi gia xúc.

Thửa đất trên có nguồn gốc do cha ông để lại cho vợ chồng cụ T9 và cụ P1. Sau khi cụ P1 chết thì vợ chồng ông P2, bà N5 ở cùng với cụ T9 tại thửa đất trên. Vợ chồng ông P2 không có con chung, đã nhận con nuôi là bà Lê Thị V. Năm 1964, cụ T9 và vợ chồng ông P2 đón 3 người con của ông D3 là Lê Văn S, Lê Thị T và Lê Thị N về ở thửa đất này khoảng 3 năm, đến năm 1967 ông D3 đón 3 người con về ở tại C1, Q. Sau khi vợ chồng ông P2 chết thì ông D3 về tiếp tục quản lý nhà đất của bố mẹ.

Năm 1986, do có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên bà T10 về ở nhờ nhà đất của bố mẹ là cụ T9 và cụ P1, hứa khi nào ông D3 đòi thì sẽ trả nhà đất, nhưng gia đình bà T10 đã sử dụng thửa đất trên từ đó cho đến nay.

Năm 1992, ông D3 về thấy ngôi nhà xuống cấp nên đã mời anh em trong họ là ông Lê Văn K1, ông Lê Văn T11, ông Lê Văn N6, ông Lê Văn L3 cùng đến ăn cơm và bàn bạc về việc xây lại nhà. Khi đó ước tính xây dựng lại nhà hết 15 triệu, ông D3 đã bỏ ra 10 triệu và bà T10 bỏ ra 5 triệu để xây lại nhà.

Năm 2008 ông D3 chết, năm 2012 bà T10 chết, con trai bà T10 là ông Nguyễn Khắc T5 tiếp tục sử dụng T1 bộ nhà đất trên cho đến nay. Vợ chồng ông T5 đã dỡ nhà và các công trình do cụ T9, cụ P1 xây dựng trước đây để xây dựng nhà 3 tầng và các công trình trên đất.

Từ năm 2003 đến nay ông D3 và các con ông D3 năm nào cũng có đơn ngày 01/12/2004, ngày 08/4/2008, ngày 08/5/2009, ngày 06/10/2011, ngày 10/3/2014, ngày 11/5/2015 đề nghị với UBND không Đ1 cấp Giấy CNQSDĐ đối với đất đang có tranh chấp. Ngày 02/4/2015, Ủy ban phường Y gửi công văn cho gia đình bà yêu cầu kê khai cấp Giấy CNQSDĐ, nhưng khi gia đình bà kê khai xong thì không thấy UBND phản hồi về việc cấp Giấy CNQSDĐ cho gia đình bà. Khi bà trực tiếp xuống phường hỏi thì ông Nguyễn Bình M2 là cán bộ địa chính xã trả lời miệng là đất đang có tranh chấp nên chưa được cấp Giấy CNQSDĐ.

Thửa đất số 261 có nguồn gốc là của cụ T9 và cụ P1 để lại, đất đang có tranh chấp. Ngày 03/8/2012, Ủy ban nhân dân quận H2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Khắc T5 (cháu ngoại) mà không có sự đồng ý của những người thừa kế của cụ T9 và cụ P1 là không đúng quy định của pháp luật, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

- Thửa đất số 347 (đất ao) tờ bản đồ số 7 phường Y, quận H2, H có nguồn gốc là của cụ Lê Trung L4 để lại cho các con trai là cụ Lê Văn C6, cụ Lê Văn T9, cụ Lê Văn N7 với mục đích thả cá, nuôi bèo để lấy lợi tức làm giỗ chạp hàng năm, làm đất hương hỏa. Việc cho đất này có chúc thư, cụ thể: cụ Mậu thờ cúng cụ L4; cụ C6 thờ vợ cả của cụ L4; cụ T9 thờ vợ hai của cụ L4 (ngày 18/2 âm lịch hàng năm). Diện tích đất ao lúc cụ L4 để lại là gần 900m^2. Phần đất ao

của cụ T9 là 1/2 thửa đất số 347, cụ T9 chết thì để lại cho ông Lê Văn P2 (con trai trưởng), do ông P2 không có con nên sau khi ông P2 chết thì ông Lê Văn D3 (bố của các nguyên đơn) là người được quyền sử dụng P2 đất ao của cụ T9.

Năm 1993, bà T10 có xuống Q nói với ông D3 về việc hoàn cảnh nhà bà T10 khó khăn nên xin ở nhờ nhà và xin sử dụng cả diện tích ao. Ông D4 đã đồng ý cho gia đình bà T10 sử dụng nhờ nhà và đất ao.

Về việc thờ cúng vợ 2 của cụ L4: do ông D3 (bố nguyên đơn) ở xa nên hàng năm cứ đến ngày giỗ thì ông D3 về tổ chức việc thờ cúng tại nhà (thửa đất thổ cư hiện anh Tiệp đang quản lý, sử dụng) và mời họ hàng tham dự. Từ năm 2002 do có tranh chấp nhà đất giữa ông D3 (bố nguyên đơn) và bà T10 (mẹ bị đơn) nên việc thờ cúng vợ 2 của cụ L4 được tổ chức nhờ nhà anh Lê Văn D5 là cháu nội của cụ C6. Năm 2006 thửa đất 347 đã được ông C7 (con cụ N7), ông Diện (cháu nội cụ C6) và ông D4 (con cụ T9) đã tự phân chia với nhau, mỗi người sử dụng P2 đất của mình.

Không có việc cụ T9 cho bà T10 thửa đất ở và phần đất ao của cụ T9. Đối với Giấy bàn giao tài sản ngày 08/4/1993 và giấy ủy quyền thừa kế đất đai ngày 05/12/1994 do ông T5 nộp cho Tòa án, nguyên đơn khẳng định: Chữ viết, ký chữ Lê Văn D4 tại 2 tài liệu này không phải là chữ của ông D3 (bố nguyên đơn). Bố của nguyên đơn tên thật là Lê Văn D3, còn tên D4 chỉ là bí danh.

3. Quan điểm của các đồng nguyên đơn:

- Đối với thửa đất số 261 (đất ở), tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ: Nhà số 1/3/33 tổ 5 phường Y, quận H2, H: Đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 836294; Số vào sổ cấp GCN: CH-02685 do Ủy ban nhân dân quận H2 cấp ngày 03/8/2012 mang tên ông Nguyễn Khắc T5 và chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất nói trên theo pháp luật.

- Đối với 1/2 thửa đất số 347 (đất ao) tờ bản đồ số 7 phường Y, quận H2, H: Thửa đất ao là của cụ Lê Trung L4 để lại cho ông D3 là con trai để làm đất hương hỏa, không phải là di sản thừa kế nên bà T10 không có quyền lợi gì ở đây, đề nghị xác nhận diện tích đất ao nói trên thuộc quyền sử dụng của các thừa kế của ông D3 và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn.

Bị đơn là ông Nguyễn Khắc T5 trình bày:

1. Về quan hệ huyết thống: Nhất trí với trình bày của nguyên đơn.

Bố ông là Nguyễn Khắc D6 mất năm 1996, mẹ ông là Lê Thị T10 mất năm 2012 đều không để lại di chúc. Bố mẹ ông sinh được 07 người con là: ông Nguyễn Khắc D, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Khắc T5 và bà Nguyễn Thị X2.

2. Về di sản thừa kế:

- Thửa đất số 261 (đất ở), tờ bản đồ số 7, diện tích 278,3m^2 tại địa chỉ: Nhà số 1/3/33 tổ 5 phường Y, quận H2, H hiện nay gia đình ông đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của ông bà ngoại ông là cụ Lê Văn T9 và cụ Nguyễn Thị P1 để lại. Quá trình sử dụng thửa đất trên như sau:

Sau khi cụ P1 mất, cụ T9 ở cùng vợ chồng bác Lê Văn P2. Trước khi cụ T9 mất, lúc ốm đau cụ T9 nhiều lần gọi bố mẹ ông ra mảnh đất này ở cùng với cụ T9 và vợ chồng bác Phần để chăm sóc cụ T9 và hai bác P4, bác N7. Vì vậy, bố mẹ ông đã về ở tại thửa đất trên từ năm 1975 để chăm sóc bác Phần, bác N7. Khi bố mẹ ông về ở thì trên đất có 3 gian nhà mái gianh, vách đất và có 1 bể nước nhỏ, 1 bếp mái gianh.

Năm 1986 bố ông là ông Nguyễn Khắc D6 đứng tên trên bản đồ địa chính đối với thửa đất này. Năm 1989 do nhà đã cũ nát, sắp sập nên gia đình ông đã phá toàn bộ nhà cũ để xây lại 3 gian nhà mái bằng 1 tầng, đổ bê tông trên diện tích khoảng 60m² (hiện nay bà X đang ở). Toàn bộ chi phí là của bố mẹ ông bỏ ra. Năm 2003 xã có đợt kê khai nhà đất, do bố ông đã mất, mẹ ông già yếu nên ông đã đứng tên kê khai nhà đất, năm 2012 Ủy ban nhân dân quận H2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông là Nguyễn Khắc T5 đối với thửa đất trên. Quá trình làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận thì không có khiếu kiện gì.

Năm 2017, vợ chồng ông xây thêm nhà 3 tầng kiên cố trên đất để ở. Hiện nay, trên thửa đất này có bà Nguyễn Thị X (chị gái ông bị thiểu năng trí tuệ) ở tại nhà 1 tầng do bố mẹ ông xây dựng, còn gia đình ông (gồm vợ chồng ông và 3 con) thì ở tại ngôi nhà 3 tầng.

Quan điểm của bị đơn: Gia đình ông đã sử dụng thửa đất số 261 (đất ở) từ năm 1975 đến nay, đã đóng thuế đất cho nhà nước đầy đủ và được cấp GCNQSDĐ nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đối với thửa đất ao:

Về nguồn gốc: Thửa đất số 347, tờ bản đồ số 7 tại tổ 5 phường Y, quận H2, H được chia làm 4 phần, trong đó: 02 phần là của hàng xóm, 01 phần của cụ T9 để lại, 01 phần do mẹ ông (bà T10) đổi ruộng của cụ Năm Truật (đã chết từ lâu). Bà T10 không có tài liệu chứng minh việc đổi ruộng của cụ Năm Truật.

Gia đình ông quản lý, sử dụng 1/2 ao từ năm 1952, đã đóng thuế 1/4 ao (phần diện tích đất ao do mẹ ông đổi) đến năm 2002 (hoặc 2004) thì nhà nước có chính sách miễn thuế ao thùng nên gia đình ông không phải đóng thuế nữa. Đối với phần diện tích đất ao do cụ T9 để lại (1/4 ao) thì không phải đóng thuế vì cụ T9 thuộc hộ nghèo, neo đơn.

Khi cụ T9 già yếu thì ở với vợ chồng ông P2, khi vợ chồng ông P2 yếu thì cụ T9 và vợ chồng ông P2 đã cho mẹ ông diện tích đất ao này, việc cho đất ao chỉ nói miệng, không có văn bản gì. Sau này, ông D3 đã có văn bản cho bà T10

đất ao, thể hiện tại Giấy bàn giao tài sản ngày 08/4/1993 và giấy ủy quyền thừa kế đất đai ngày 05/12/1994.

Năm 2004-2005 ông D3 đổ đất lấp ao, bà T10 đã khởi kiện ông D3 về tranh chấp quyền sử dụng thửa đất ao tại Tòa án nhân dân thị xã H2. Sau đó, bà T10 rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thị xã H2 đã Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Do có tranh chấp nên phần đất ao nói trên vẫn để không, chưa ai được sử dụng.

Ông T5 có đơn phản tố ngày 16/8/2018 đề nghị Tòa xác định D5 tích đất ao trên thuộc quyền sử dụng của gia đình bà T10, ông D6, nay ông bà đã mất thì diện tích đất ao thuộc quyền sử dụng của các con bà T10, ông D6. Các ông bà không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất ao nói trên. Tòa án đã ra Thông báo cho bị đơn, yêu cầu bị đơn nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa nộp tạm ứng án phí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Các anh chị em của ông T5 là ông Nguyễn Khắc D, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị N3 và bà Nguyễn Thị X2 nhất trí với trình bày của ông T5.

- Vợ và các con của ông T5 là bà Nguyễn Thị Thanh H4, anh Nguyễn Khắc L1, chị Nguyễn Lan A hiện đang ở tại thửa đất tranh chấp đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng không có mặt nên không có lời khai.

- Bà Lê Thị V (79 tuổi) là con nuôi của cụ Lê Văn P2 và cụ Nguyễn Thị N5. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà V đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà V đều từ chối nhận và không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2006 của bà Lê Thị V được trích từ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 64/2018 TLST-DS và Tòa án nhân dân quận H2 ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 10/2006/DS-QĐ ngày 08/8/2006 có nội dung: Bà V hoàn toàn tự nguyện không có yêu cầu hưởng một thứ gì tài sản của bố mẹ nuôi, đất ở và đất ao bà đều không nhận vì không có công sức, đó là của ông D4 và bà T10. Kính mong quý Tòa giải quyết cho ông D4 và bà T10, kể cả sau này và mãi mãi bà không có thắc mắc và đề nghị gì cả.

- UBND quận H2 có quan điểm tại Công văn số 2062/UBND-TNMT ngày 13/8/2018 của UBND quận H2, thành phố H với nội dung:

Thửa đất thổ cư số 261 tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ: Số nhà 1 ngách 3 ngõ 33 tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H có nguồn gốc là đất thổ cư do cha ông để lại, gia đình ông Nguyễn Khắc D6 (bố ông Nguyễn Khắc T5) đã sử dụng thửa đất này vào mục đích để ở từ trước năm 1986. Hiện nay ông Nguyễn Khắc T5

(con trai ông D6) đang sử dụng thửa đất trên, đã xây dựng nhà 3 tầng và các công trình phục vụ sinh hoạt.

Theo bản đồ, sổ mục kê xã Y lập năm 1986, thửa đất trên tương ứng với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 8 diện tích 290m^2 do ông Nguyễn Khắc D6 đứng tên kê khai sử dụng.

Theo bản đồ, sổ mục kê xã Y lập năm 2003, thửa đất trên tương ứng với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 7 diện tích 278,3m^2 đứng tên ông Nguyễn KhắcTiệp (con trai ông D6) kê khai sử dụng.

Ủy ban nhân dân quận H2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 836294 ngày 03/8/2012 đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Khắc T5 đối với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 7, diện tích là 278,3m^2 tại tổ 5 phường Y, quận H2, H2, H là đúng quy định của pháp luật.

- Tại Công văn số 04/CV-UB ngày 08/3/2006 của UBND xã Y có nội dung:

Thửa đất số 347, tờ bản đồ số 7 tại tổ 5 phường Y, quận H2, H diện tích 890m^2 giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1960 hiện tại ở xã không có hồ sơ lữu trữ.

Từ năm 1961 đến năm 1985 theo sổ thống kê của HTX NN Nghĩa Lộ: Thửa đất ao có hai người đứng tên là ông Lê Văn P2 và ông Lê Văn K1.

Từ năm 1986 đến năm 2002 theo sổ mục kê và bản đồ năm 1986 thì người đứng tên là ông Lê Văn T11 (tên khai sinh là Lê Văn Bằng).

Từ năm 2003 theo sổ mục kê và bản đồ thì diện tích đất ao bỏ trống, không đứng tên một ai.

Về ranh giới đất ao giáp hộ liền kề không có sự tranh chấp, là ao nằm trong khu dân cư theo đúng quy định.

- Tại Công văn số 501/UND-ĐCXD ngày 23/12/2020 của UBND phường Y có nội dung: Hiện tại hệ thống sổ sách quản lý đất đai của phường có 02 thời kỳ đo đạc bản đồ, lập sổ mục kê là năm 1986 và năm 2003. Thửa đất số 347, tờ bản đồ số 7 tại tổ 5 phường Y có nguồn gốc như sau:

Theo bản đồ và sổ mục kê lập năm 1986 thửa đất số 347, tờ bản đồ số 7 (bản đồ đo đạc năm 2003) tương ứng với thửa đất số 256, tờ bản đồ số 08 diện tích 880m², chủ sử dụng là ông T11. Cột loại đất là đất ao.

Theo bản đồ và sổ mục kê lập năm 2003 thửa đất số 347, tờ bản đồ số 7, diện tích 891,3m². Sổ mục kê không ghi chủ sử dụng đất. Cột loại đất "T" (Thổ cư).

Qua rà soát: Sổ bộ thuế phi nông nghiệp của phường, thửa đất trên hiện chưa có ai kê khai nộp thuế phi nông nghiệp hàng năm; Sổ địa chính, sổ cấp Giấy CNQSD đất ở phường lưu, thửa đất số 347, tờ bản đồ số 7 chưa được cấp Giấy CNQSD đất.

Nhân chứng là ông Lê Văn T11 khai:

Thửa đất số 347 (đất ao) tờ bản đồ số 7 phường Y, quận H2, H có nguồn gốc là của cụ Lê Trung L4 để lại cho các con trai là cụ Lê Văn C6, cụ Lê Văn T9, cụ Lê Văn N7. Phần đất ao của cụ T9 là 1/2 ao do ông P2 (con trai trưởng) sử dụng, sau khi ông P2 chết thì bà T10 sử dụng P2 đất ao của cụ T9. Năm 2006 ông T11 (con cụ N7), ông D4 (cháu nội cụ C6) và ông D3 (con cụ T9) đã tự phân chia thửa đất ao như sau: Ông D3 sử dụng 1/2 ao, ông C7, ông Diện mỗi người sử dụng 1/4 ao. Ông C7, ông Diện đã san lấp phần đất ao được chia, xây tường bao và trồng cây trên đất của mình, nhưng chưa ai được cấp Giấy CNQSDĐ. Ông D3 đã san lấp phần đất ao được chia, nhưng do có tranh chấp giữa ông D4 và bà T10 đối với phần đất này nên cho đến nay đất vẫn để không, chưa ai được sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Áp dụng Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 653, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc chia thừa kế di sản của cụ Lê Văn T9 và cụ Nguyễn Thị P1.

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 836294; Số vào sổ cấp GCN: CH-02685 do Ủy ban nhân dân quận H2 cấp ngày 03/8/2012 mang tên ông Nguyễn Khắc T5 đối với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 7, diện tích 278,3m^2 đất ở tại địa chỉ: Tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn T9 và cụ Nguyễn Thị P1 gồm có:

- Thửa đất số 261 tờ bản đồ số 7 diện tích 278,3m^2 đất ở (đo thực tế là 275m^2), tại địa chỉ: Tổ 5 phường Y (nay là nhà số 1 ngách 3 ngõ 33, tổ 5 phường Y), quận H2, thành phố H có giá trị quyền sử dụng đất là 4.400.000.000đồng.

- Diện tích 384,4m^2 đất ao thuộc thửa đất số 347 tờ bản đồ số 7 phường Y, quận H2, thành phố H có giá trị quyền sử dụng đất là 387.475.200đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ T9 và cụ P1 là 4.787.475.200đồng.

(Bốn tỷ, bẩy trăm tám mươi bẩy triệu, bốn trăm bẩy mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ P1 là năm 1945, thời điểm mở thừa kế của cụ T9 là năm 1968. Di sản thừa kế của cụ P1 và cụ T9 được chia theo pháp luật.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1 và cụ T9 gồm có 03 người con là ông Lê Văn P2, ông Lê Văn D3 (tức D4) và bà Lê Thị T10.

- Ông P2 chết năm 1975, vợ là bà Nguyễn Thị N5 chết năm 1984. Hàng thừa kế thứ nhất của ông P2 và bà N5 là bà Lê Thị V. Ghi nhận tự nguyện của bà V không yêu cầu được hưởng thừa kế di sản của cụ P1 và cụ T9.

4. Ông Lê Văn D3 được hưởng P2 thừa kế có giá trị là 1.660.404.266đồng. Ông D3 chết năm 2008, những người thừa kế của ông D3 là ông Lê Văn S (ông S chết năm 2007 người thừa kế thế vị là ông Lê Mạnh C3 và bà Lê Thị N2), bà Lê Thị T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị N1, bà Lê Thị K, ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn T2 được hưởng P2 thừa kế của ông D3. Mỗi người được hưởng P2 thừa kế có giá trị là 237.200.609.428 đồng.

5. Bà Lê Thị T10 được hưởng P2 thừa kế có giá trị là 1.660.404.266đồng, gia đình bà T10 được thanh toán công sức tôn tạo thửa đất thổ cư số tiền là 1.466.666.666đồng. Tổng giá trị phần thừa kế là 3.127.070.932đồng. Bà T10 chết năm 2012, những người thừa kế của bà T10 là ông Nguyễn Khắc D, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Khắc T5 và bà Nguyễn Thị X2 được hưởng P2 thừa kế của bà T10. Mỗi người được hưởng P2 thừa kế có giá trị là 446.724.418 đồng.

II. Về chia hiện vật: *(có sơ đồ kèm theo)*

1. Chia cho các thừa kế của ông D3 được sử dụng diện tích 384,4m^2 đất ao thuộc thửa đất số 347 tờ bản đồ số 7 phường Y, quận H2, thành phố H có giá trị quyền sử dụng đất là 387.475.200đồng và 72,6m^2 đất ở thuộc thửa đất số 261 tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ: Số nhà 1 ngách 3 ngõ 33 tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H (được giới hạn bởi các điểm 6', 7, 8, 8', 9 và 6') có giá trị quyền sử dụng đất là 1.161.600.000đồng.

Các thừa kế của ông D3 được sở hữu các tài sản trên diện tích 72,6m^2 đất ở gồm: Nhà cấp 4 diện tích 50,8m^2 trị giá 69.961.760đồng; Mái tôn diện tích 21,8m^2 trị giá 6.242.862đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 76.204.622đồng.

Tổng giá trị tài sản chia cho các thừa kế của ông D3 là 1.625.279.825đồng, so với phần giá trị tài sản được hưởng là 1.660.404.266đồng thì thiếu là 35.124.443đồng.

2. Chia cho các thừa kế của bà T10 được sử dụng 202,4m^2 đất ở tại thửa đất số 261 tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ: Số nhà 1 ngách 3 ngõ 33 tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H (được giới hạn bởi các điểm 6', 9, 8', 10, 3, 4, 5, 6 và 6') có giá trị quyền sử dụng đất là 3.238.400.000đồng.

Phần thừa kế của bà T10 có giá trị là 3.127.070.932đồng, gia đình bà T10 được thanh toán giá trị tài sản trên phần đất chia cho các thừa kế của ông D3 số tiền là 76.204.622đồng. Tổng giá trị phần tài sản được hưởng là 3.203.275.554 đồng so với phần tài sản được chia có giá trị là 3.238.400.000đồng thì thừa là 35.124.443 đồng.

3. Buộc các thừa kế của bà T10 phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho các thừa kế của ông D3 số tiền là 35.124.443đồng *(Ba mươi lăm triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn ba đồng).*

4. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2022, Bị đơn là ông Nguyễn Khắc T5 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DSST ngày 05/4/2021 của TAND thành phố H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đồng nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến thể hiện: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành của đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H hợp lệ, trong thời hạn luật định.

Xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thấy rằng: Di sản thừa kế của cụ Lê Văn T9, Nguyễn Thị P1 để lại là thửa đất số 261 (đất ở) diện tích 278,3m² và thửa số 347 (đất ao) diện tích 384,4m² thuộc tờ bản đồ số 7 tại tổ 5, phường Y, quận H2, thành phố H. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chia thừa kế thửa đất số 261 (đất ở) diện tích 278,3m² là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với thửa đất số 347 (đất ao) diện tích 384,4m² thấy quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu chia, bị đơn có yêu cầu phản tố nhưng

không nộp tạm ứng án phí do đó Tòa án không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu chia diện tích đất ao là đã vượt quá phạm vi khởi kiện, diện tích đất đã được định giá và xem xét thẩm định tại chỗ nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia di sản thừa kế trong cùng một vụ án là đã vi phạm tố tụng nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

Về kháng cáo đề nghị xem xét phần công sức của phía bị đơn thì thấy phía bị đơn là người có công quản lý di sản, có thể xem xét chia đất ao cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và kháng cáo của bị đơn, hủy một phần Bản án sơ thẩm 17/2021/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H để giải quyết lại đối với thửa đất số 347 (đất ao) diện tích 384,4m², giữ nguyên nội dung chia thừa kế thửa đất số 261 (đất ở) diện tích 278,3m² do các đương sự đều nhất trí chia như Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 836294; Số vào sổ cấp GCN: CH-02685 do Ủy ban nhân dân quận H2 cấp ngày 03/8/2012 mang tên ông Nguyễn Khắc T5 và chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 261 (đất ở), tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ: Nhà số 1/3/33 tổ 5 phường Y, quận H2, H theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp chia di sản thừa kế" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/6/2018, chỉ có ông Lê Văn T2, bà Lê Thị N, bà Lê Thị N1, ông Lê Văn T1 ủy quyền cho bà Lê Thị T thay mặt tham gia tố tụng chứ không có bà Lê Thị K và hợp đồng ủy quyền ngày 11/6/2018, bà Trần Thị P và bà Lê Thị N2 ủy quyền cho ông Lê Mạnh C3 thay mặt tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Lê Thị T là người đại diện theo ủy quyền cho ông C3, bà P, bà N2, bà K là thiếu chính xác ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C3, bà P và bà N2, bà K.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận H2, thành phố H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu

tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Trong vụ án này về cơ bản, các bên đương sự đều thừa nhận với đánh giá và nhận định của bản án sơ thẩm về nguồn gốc di sản thừa kế, về diện những người được hưởng thừa kế; về phía đồng nguyên đơn cũng thừa nhận phía bị đơn có một phần công sức đóng góp trong việc giữ gìn, phát triển, tôn tạo, duy tu khối di sản thừa kế tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản. Bản án sơ thẩm đã xem xét, phân tích và chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 836294 do Ủy ban nhân dân quận H2 cấp ngày 03/8/2012 mang tên ông Nguyễn Khắc T5 sau đó xác định khối tài sản thừa kế, công sức đóng góp của các bên rồi phân chia di sản. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ngày 06/10/2022 thay đổi kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân thành phố H cũng có kháng nghị hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn; chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ; phân chia di sản không công bằng.

Xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn là ông Nguyễn Khắc T5 có đơn phản tố đề nghị xác định ½ thửa số 347 (đất ao), tờ bản đồ số 7 tại tổ 5 phường Y, quận H2, H thuộc quyền sử dụng của bố mẹ ông (bà T10, ông D6). Ông T5 không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố do đó Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ T9, cụ P1 để lại bao gồm hai khối di sản là thửa đất số 261 (đất ở) và 1/2 thửa đất số 347 (đất ao) nói trên. Bị đơn rút yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất ao.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện bổ sung của Nguyên đơn tại phiên tòa là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có tiến hành thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định và định giá, công khai chứng cứ, hòa giải đối với cả 02 thửa đất tranh chấp nói trên. Tuy nhiên việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Cụ thể chưa thu thập chứng cứ để xác định thửa đất số 347 (đất ao) tờ bản đồ số 7 tại tổ 5 phường Y, quận H2, H đã được san lấp có nằm trong quy hoạch khu dân cư không? Có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không? Có đủ điều kiện được chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở không? Trong trường hợp được chuyển đổi thì số tiền tạm tính cho việc thực hiện nghĩa vụ là bao nhiêu? để từ đó có căn cứ xem xét định giá đất cho phù hợp cũng như là cơ sở để tính giá trị của đất khi

phân chia di sản. Mặt khác việc giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn tại phiên tòa đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn.

[2.2]. Đối với kháng cáo và kháng nghị về phần phân chia di sản, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định thửa đất số 261 (đất ở) và ½ thửa đất số 347 (đất ao) là di sản thừa kế của cụ Lê Văn T9 và cụ Nguyễn Thị P1. Cụ T9 chết năm 1968 và cụ P1 chết năm1945 đều không để lại di chúc, việc Ủy ban nhân dân quận H2 cấp đã cấp GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Khắc T5 (cháu ngoại cụ T9, cụ P1) đối với thửa đất 261 (đất ở) mà không Đ1 sự đồng ý của các thừa kế là không đúng quy định của pháp luật. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hủy Giấy CNQSDĐ số BH 836294; Số vào sổ cấp GCN: CH-02685 do Ủy ban nhân dân quận H2 cấp ngày 03/8/2012 mang tên ông Nguyễn Khắc T5 đối với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 7, diện tích 278,3m^2 đất ở tại địa chỉ: Tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H là có căn cứ. Tuy nhiên khi chia thừa kế theo pháp luật, di sản của cụ T9 và cụ P1 để lại là thửa đất số 261 (đất ở) và ½ thửa đất số 347 (đất ao) Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: Chia cho các thừa kế của ông D3 được sử dụng diện tích 384,4m^2 đất ao thuộc thửa đất số 347 tờ bản đồ số 7 phường Y, quận H2, thành phố H có giá trị quyền sử dụng đất là 387.475.200đồng và 72,6m^2 đất ở và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 261 tờ bản đồ số 7 có giá trị quyền sử dụng đất là 1.161.600.000đồng; Chia cho các thừa kế của bà T10 được sử dụng 202,4m^2 đất ở tại thửa đất số 261 tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ: Số nhà 1 ngách 3 ngõ 33 tổ 5 phường Y, quận H2, thành phố H có giá trị quyền sử dụng đất là 3.238.400.000đ là thiếu khách quan, trái với quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật. Bởi lẽ, hiện trạng đất ao di sản diện tích 384,4m^2 có hai mặt giáp ngõ xóm đủ điều kiện để xem xét chia đất di sản bằng hiện vật cho các thừa kế nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

[2.3]. Ngoài ra theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ di sản thừa kế của cụ T9 và cụ P1 là thửa đất số 261 (đất ở) tờ bản đồ số 7 đo thực tế có diện tích là 275m^2 nằm trong Giấy chứng nhận và 38m^2 nằm ngoài Giấy chứng nhận có giá trị quyền sử dụng đất là:

275m^2 x 16.000.000đ/ m^2 = 4.400.000.000đồng

Đối với diện tích đất nằm ngoài Giấy chứng nhận nằm trong khuôn viên đất gia đình ông T5 đang sử dụng. Ông T5 khai, quá trình sử dụng đất, bố mẹ ông có mua của hợp tác xã 11m^2 đất, phần đất còn lại do gia đình ông lấn chiếm thêm nhưng không có tài liệu chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ quá trình biến động về ranh giới, mốc giới của thửa đất tranh chấp? nguồn gốc diện tích nằm ngoài GCNQSDĐ? diện tích đất đó có tranh chấp với các hộ liền kề không? Có nằm trong quy hoạch sử dụng đất và có đủ điều kiện

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không? để làm cơ sở xem xét cả phần đất đó khi phân chia di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông T5 được tạm thời sử dụng P2 đất nằm ngoài Giấy chứng nhận và phải chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình sử dụng đất là chưa đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

[2.4]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1 và cụ T9 gồm có 3 người con là ông Lê Văn P2, ông Lê Văn D3, bà Lê Thị T10.

Ông P2 chết năm 1975, vợ là bà Nguyễn Thị N5 chết năm 1984. Hàng thừa kế thứ nhất của ông P2 và bà N5 là bà Lê Thị V (là con nuôi của 2 cụ). Trước khi các đồng nguyên đơn khởi kiện vụ án *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, giữa ông D3 (bố nguyên đơn) và bà T10 (mẹ bị đơn) đã xảy ra tranh chấp đất do bố mẹ là cụ T9, cụ P1 để lại từ năm 2004-2005 khi ông D3 đổ đất san lấp ½ thửa số 347 (đất ao). Bà T10 đã khởi kiện ông D3 về tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất ao nói trên tại Tòa án nhân dân thị xã H2. Sau đó, do đất ao không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên bà T10 rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thị xã H2 đã Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 10/2006/DS-QĐ ngày 08/8/2006. Quá trình giải quyết vụ án tranh chấp đất đai trên, bà V có lời khai không yêu cầu được hưởng thừa kế di sản của cụ P1 và cụ T9. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà V đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà V đều từ chối nhận và không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai của bà V mà sử dụng lời khai của bà V trong hồ sơ tranh chấp đất đai từ năm 2006 có nội dung bà V không yêu cầu được hưởng thừa kế di sản của cụ P1 và cụ T9 để chia di sản của thừa kế của cụ P1 và cụ T9 cho 02 người thừa kế là ông Lê Văn D3, bà Lê Thị T10 là thiếu căn cứ.

Do bản án sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, phân chia di sản bằng hiện vật chưa đảm bảo như đã phân tích ở trên, cấp phúc thẩm không khắc phục được. Từ đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét các phần kháng cáo khác của bị đơn. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc T5, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân thành

phố H và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Khắc T5 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Khắc T5 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000045 ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H (kèm HSVA);
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà